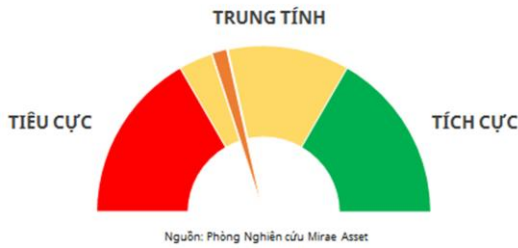


Thang đo sức mạnh thị trường



01 Tháng Chín 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,334.65	0.24	1.88	49.67
HNX	343.42	0.18	9.08	173.84
UPCOM	94.01	0.25	8.14	59.88
MSCI EM	1,308.67	1.81	2.42	16.84
NIKKEI	28,451.02	1.29	4.28	22.96
HANG SENG	26,028.29	0.58	0.26	3.35
KOSPI	3,207.02	0.24	0.15	36.50
FTSE	7,184.54	0.91	2.16	22.56
S&P 500	4,522.68	-0.13	2.90	28.24
NASDAQ	15,259.24	-0.04	4.00	27.80

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.07	2.58	16.29
SET INDEX	20.12	1.78	7.58
JCI INDEX	NA	1.70	-6.07
PCOMP INDEX	22.75	1.66	7.53

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.83	-1	-23	-88
10 năm	2.07	1	-12	-81

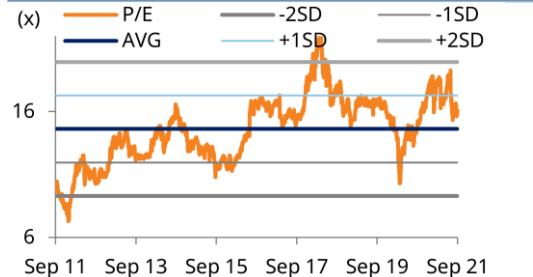
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,770	0.06	0.82	1.74
US\$/KRW	1,157	0.19	-0.54	2.23
US\$/JPY	110	-0.28	-0.92	-3.96
US\$/EUR	0.85	-0.05	0.49	0.82
US\$/GBP	0.73	0.03	0.97	-2.68
US\$/SGD	1.35	-0.10	0.51	1.13

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	952	946	627
HNX	137	157	90
UPCOM	89	74	40

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp

Mặc dù chịu áp lực chốt lời của nhà đầu tư trước đợt nghỉ lễ sắp tới, nhưng VN-Index vẫn giữ được sắc xanh cho đến cuối phiên. Đóng cửa, VN-Index ghi nhận mức tăng nhẹ 3,18 điểm dừng chân tại ngưỡng 1,334 điểm (+0,24% DoD). Khối lượng cổ phiếu giao dịch tiếp tục duy trì ở mức trung bình 20 phiên với hơn 678 triệu đơn vị khớp lệnh trong phiên hôm nay.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán tiếp tục phiên giao dịch kém khả quan với nhiều mã đóng cửa giảm điểm. Ngược lại, nhóm cảng biển có phần tích cực hơn với nhiều mã ghi nhận mức tăng mạnh như HAH, PHP, DVP.

Áp lực bán của khối ngoại có phần suy giảm trong phiên hôm qua, thế nhưng trong phiên giao dịch đầu tháng 9 áp lực này đã mạnh hơn với giá trị hơn 645 tỷ đồng bán ròng trên cả 2 sàn HNX và HSX. Trong đó, MSN và VHM bị bán ròng nhiều nhất với giá trị lần lượt đạt 300 tỷ và 286 tỷ. Ở chiều ngược lại, CTG được mua ròng nhiều nhất với giá trị đạt hơn 217 tỷ đồng.

Mặc dù VN-Index vẫn giữ được sắc xanh. Tuy nhiên, áp lực bán khá mạnh đã khiến cho điểm số đánh giá kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index vẫn duy trì ở mức đánh giá TRUNG TÍNH với điểm số là -2 điểm. P/E hiện tại đang ở mức 16,0x..

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	3	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	7	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

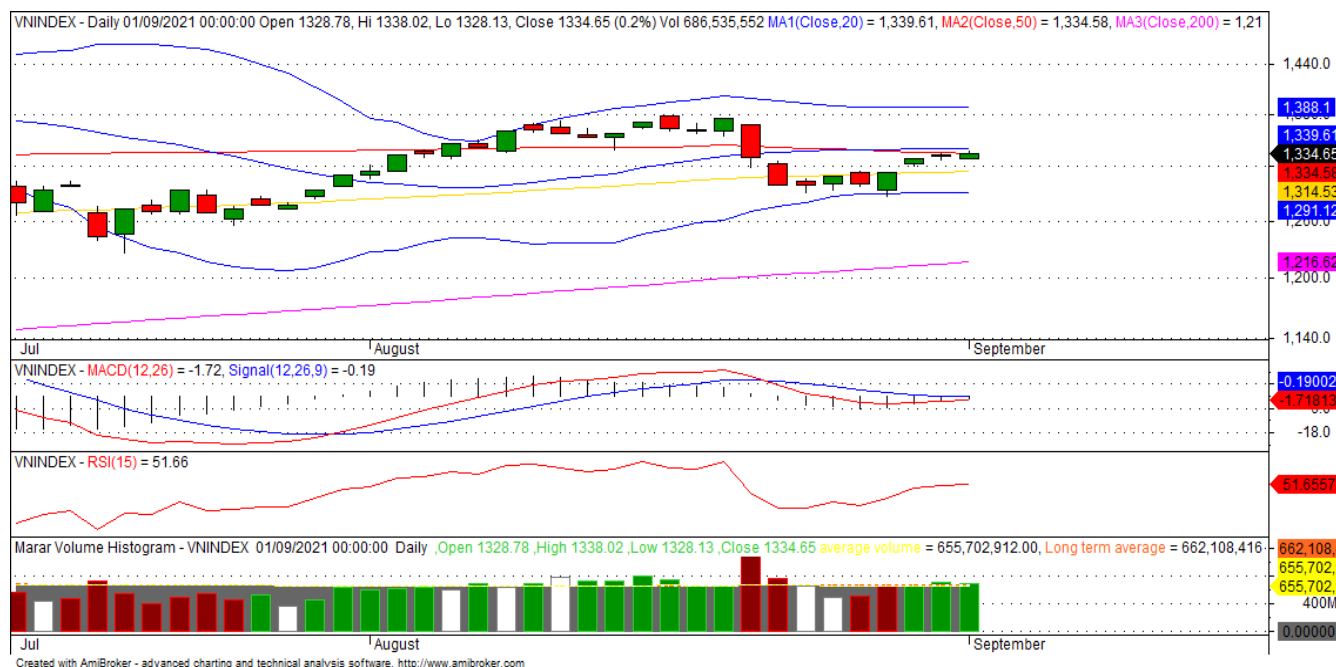
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (01/09/2021)	Kháng cự 1	1.380
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.420
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.270

VN-Index xuất hiện lực chốt lời nhẹ khi chạm vùng kháng cự quanh MA 50 ngày

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (01/09/2021)	1.428	Kháng cự 1 1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.550
VN30 - đóng cửa	1.426	Hỗ trợ 1 1.450
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+1,66	Hỗ trợ 2 1.400

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-2	TRUNG TÍNH

VN30F1M tiếp tục đi ngang tích lũy quanh ngưỡng hỗ trợ mạnh

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.2	7,835,150	5	KHẢ QUAN	5,288	13.0	1.1
ACB	32	10,946,515	-4	TIÊU CỰC	86,462	8.9	2.1
AGR	16.75	4,014,530	0	TRUNG TÍNH	3,551	10.2	1.5
ASM	17.05	5,699,675	5	KHẢ QUAN	4,414	10.7	0.9
BCG	18.85	5,913,485	5	KHẢ QUAN	5,609	6.0	1.5
BID	39	2,090,475	-2	TRUNG TÍNH	156,859	15.8	1.9
BII	17.1	3,758,430	7	KHẢ QUAN	986	9.6	1.6
BSR	18.3	13,394,275	-2	TRUNG TÍNH	56,739	#N/A N/A	1.8
BVH	56.8	1,062,400	4	KHẢ QUAN	42,164	22.5	2.0
CII	18.2	3,130,640	4	KHẢ QUAN	4,348	263.4	0.9
CTG	32.05	15,642,305	-2	TRUNG TÍNH	154,024	9.4	1.7
CTR	82.7	1,024,705	-2	TRUNG TÍNH	7,685	27.5	7.2
CTS	30.35	2,374,980	2	TRUNG TÍNH	3,229	11.3	2.0
DBC	63.6	2,940,350	7	KHẢ QUAN	7,329	6.0	1.6
DCM	26	6,741,495	7	KHẢ QUAN	13,764	22.2	2.1
DDV	22.8	4,641,685	7	KHẢ QUAN	3,331	116.9	2.6
DGC	117.2	1,165,430	6	KHẢ QUAN	20,051	20.0	4.5
DIG	35.65	14,554,720	5	KHẢ QUAN	14,613	19.5	3.1
DPG	42.35	1,331,680	5	KHẢ QUAN	2,668	8.6	2.3
DPM	37.5	7,243,695	1	TRUNG TÍNH	14,675	12.9	1.7
DRC	36.3	3,388,650	5	KHẢ QUAN	4,312	12.7	2.5
DXG	22.1	6,718,330	-2	TRUNG TÍNH	11,454	13.9	1.3
FCN	14.1	4,071,460	5	KHẢ QUAN	1,769	12.6	0.8
FIT	18.55	12,797,705	-4	TIÊU CỰC	4,725	34.2	1.5
FLC	10.55	14,967,435	-2	TRUNG TÍNH	7,490	4.1	0.8
FPT	92.4	2,923,200	0	TRUNG TÍNH	83,850	21.8	5.0
FRT	42.3	2,845,535	2	TRUNG TÍNH	3,341	50.2	2.6
FTS	56.4	1,013,330	0	TRUNG TÍNH	8,323	15.7	3.2
GAS	88.6	1,165,185	-2	TRUNG TÍNH	169,576	21.7	3.6
GEX	24.25	10,558,060	5	KHẢ QUAN	18,944	12.9	1.5
GMD	53	4,726,605	3	TRUNG TÍNH	15,973	39.1	2.6
GVR	40.1	6,877,705	5	KHẢ QUAN	160,400	34.0	3.3
HAH	64.2	2,414,675	7	KHẢ QUAN	3,043	14.5	2.6
HBC	15.2	6,077,160	2	TRUNG TÍNH	3,509	25.1	1.0
HCM	54.9	6,857,865	-2	TRUNG TÍNH	16,747	18.9	3.5
HDB	25.65	2,628,930	-7	TIÊU CỰC	51,100	9.7	2.0
HDC	66	920,370	5	KHẢ QUAN	5,707	18.6	4.4
HDG	55.6	2,529,390	-2	TRUNG TÍNH	9,098	13.0	2.6
HHV	22.3	7,220,835	7	KHẢ QUAN	5,963	38.2	1.0
HPG	49.2	25,247,844	-2	TRUNG TÍNH	220,068	8.8	3.0
HSG	40.05	11,071,415	4	KHẢ QUAN	19,588	5.2	2.0
HT1	22.5	3,550,770	5	KHẢ QUAN	8,585	13.6	1.5
IDC	41.4	4,102,865	7	KHẢ QUAN	12,420	24.4	3.2
IJC	28.55	8,031,035	4	KHẢ QUAN	6,198	8.1	1.9
ITA	7.3	9,219,620	7	KHẢ QUAN	6,850	38.7	0.6
KBC	42.5	13,786,705	6	KHẢ QUAN	19,965	23.7	1.9
KDC	59.9	2,247,900	-2	TRUNG TÍNH	13,702	26.7	2.3
KDH	39.3	3,471,700	-2	TRUNG TÍNH	24,487	20.0	2.8
KSB	34	3,460,740	5	KHẢ QUAN	2,492	10.0	1.5
LCG	18	6,896,805	5	KHẢ QUAN	2,074	5.7	1.2
LPB	22.75	10,106,850	-2	TRUNG TÍNH	27,382	10.2	1.8
MBB	27.9	16,902,380	-4	TIÊU CỰC	105,415	10.1	2.0

MBS	35.5	3,975,480	-2	TRUNG TÍNH	9,500	18.9	3.1
MSN	133.3	1,402,125	-4	TIÊU CỰC	157,365	74.6	7.4
MWG	110.2	1,056,150	-2	TRUNG TÍNH	78,562	17.1	4.3
NKG	39.45	8,778,870	5	KHẢ QUAN	8,616	5.8	1.9
NLG	43.3	3,470,310	4	KHẢ QUAN	12,352	11.0	1.9
NTL	36.5	2,478,595	4	KHẢ QUAN	2,226	7.3	1.9
NVL	104.7	2,711,435	2	TRUNG TÍNH	154,287	29.1	4.6
ORS	27.3	2,104,485	2	TRUNG TÍNH	5,460	25.9	4.3
PAN	27.6	2,717,740	-4	TIÊU CỰC	5,891	26.6	1.6
PC1	35.8	2,939,400	5	KHẢ QUAN	6,845	10.4	1.6
PDR	85.7	3,344,355	0	TRUNG TÍNH	41,716	29.6	7.5
PET	27.75	4,058,965	5	KHẢ QUAN	2,495	13.0	1.5
PLX	50.8	1,578,980	-2	TRUNG TÍNH	63,186	15.8	2.6
POW	12.45	11,700,660	5	KHẢ QUAN	29,156	11.5	1.0
PVD	19.2	6,526,475	2	TRUNG TÍNH	8,086	872.0	0.6
PVS	26.1	11,980,195	0	TRUNG TÍNH	12,475	22.5	1.0
PVT	23.25	6,858,650	5	KHẢ QUAN	7,525	9.9	1.6
QTP	18	2,992,625	4	KHẢ QUAN	8,100	10.6	1.5
REE	66.5	1,305,490	5	KHẢ QUAN	20,552	11.5	1.7
SBS	15.6	4,898,630	0	TRUNG TÍNH	1,976	1,720.0	9.5
SBT	22.7	5,837,035	5	KHẢ QUAN	14,009	21.2	1.8
SCR	11	10,850,280	0	TRUNG TÍNH	4,030	13.8	0.8
SHB	26.9	19,593,830	-7	TIÊU CỰC	51,797	13.9	2.0
SHS	39.4	7,719,560	0	TRUNG TÍNH	11,393	10.6	2.6
SMC	50	1,192,325	5	KHẢ QUAN	3,046	3.2	1.4
SSI	61.2	15,482,830	-4	TIÊU CỰC	40,081	21.7	3.5
STB	27.2	21,848,104	-4	TIÊU CỰC	51,278	14.2	1.6
SZC	48.4	1,711,510	4	KHẢ QUAN	4,840	19.4	3.6
TCB	48.3	16,135,880	-4	TIÊU CỰC	169,287	10.5	2.0
TCH	19.65	7,341,250	5	KHẢ QUAN	7,844	9.0	1.3
TLH	20	3,009,755	7	KHẢ QUAN	2,013	5.1	1.2
TNG	32.1	4,054,855	3	TRUNG TÍNH	2,553	14.5	2.0
TPB	34.2	4,182,650	-4	TIÊU CỰC	36,651	8.1	1.8
VCB	99.4	1,414,680	0	TRUNG TÍNH	368,662	18.0	3.5
VCI	60.2	6,276,290	-2	TRUNG TÍNH	20,047	13.7	3.8
VGC	36.9	2,665,275	7	KHẢ QUAN	16,544	17.6	2.6
VGX	20.3	6,277,770	4	KHẢ QUAN	10,150	35.6	1.6
VHC	50	2,752,375	4	KHẢ QUAN	9,097	12.4	1.7
VHM	107	13,613,980	-4	TIÊU CỰC	358,398	10.7	3.7
VIB	36.05	1,600,270	-2	TRUNG TÍNH	55,991	9.6	2.7
VIC	94.1	2,516,865	-4	TIÊU CỰC	358,071	53.3	3.9
VIX	27	5,536,355	-2	TRUNG TÍNH	3,448	4.9	1.6
VJC	125.5	925,640	2	TRUNG TÍNH	67,972	432.5	4.0
VND	50.8	12,193,230	-4	TIÊU CỰC	21,709	10.1	2.2
VNM	88.1	3,506,495	-2	TRUNG TÍNH	184,125	19.3	5.8
VOS	15.8	4,942,165	5	KHẢ QUAN	2,212	14.5	3.0
VPB	61.5	9,522,685	-4	TIÊU CỰC	151,890	12.2	2.5
VRE	27.9	4,456,180	0	TRUNG TÍNH	63,398	23.3	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Phố Wall giảm, S&P 500 có tháng tăng thứ 7 liên tiếp

Dow Jones giảm 39,11 điểm, tương đương 0,11%, xuống 35.360,73 điểm. S&P 500 giảm 6,11 điểm, tương đương 0,13%, xuống 4.522,68 điểm. Nasdaq giảm 6,66 điểm, tương đương 0,04%, xuống 15.259,24 điểm. 7 trong số 11 lĩnh vực chính thuộc S&P 500 đóng cửa trong sắc đỏ. Bất động sản và dịch vụ viễn thông đóng cửa cao kỷ lục. Chốt tháng 8, S&P 500 tăng 2,9%, Dow Jones tăng 1,2% còn Nasdaq tăng 4%. Đây là tháng tăng thứ 7 liên tiếp của S&P 500. S&P 500 còn liên tiếp lập đỉnh trong nửa sau tháng 8, có 4 phiên lên cao nhất lịch sử trong vòng 5 phiên tính đến ngày 30/8. Diễn biến trên cho thấy mức độ tự tin của nhà đầu tư vào thị trường chứng khoán Mỹ sau khi Fed tiếp tục có quan điểm ôn hòa về siết chương trình hỗ trợ.

PMI tháng 8 xuống sát 40 điểm, thấp thứ 2 kể từ khi dịch Covid-19 xuất hiện

IHS Markit vừa công bố báo cáo cho thấy Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 8 của Việt Nam đạt 40,2 điểm, thấp hơn nhiều so với mức 45,1 của tháng trước. Đây là tháng thứ 3 liên tiếp ghi nhận chỉ số PMI giảm và cũng là mức thấp thứ 2 kể từ khi dịch Covid-19 xuất hiện ở Việt Nam. Mức thấp nhất của chỉ số này là vào tháng 4/2020 với 32,7 điểm. Báo cáo lý giải tình trạng suy thoái trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam trầm trọng hơn trong tháng 8, do dịch Covid-19 bùng phát ở mức độ tồi tệ nhất kể từ khi xuất hiện vào đầu năm 2020. Những biện pháp hạn chế dẫn đến đóng cửa tạm thời một số doanh nghiệp, các biện pháp giãn cách xã hội và hạn chế đi lại nhằm cố gắng kìm hãm sự lây lan dịch Covid-19 khiến sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới, hoạt động mua hàng và việc làm đều giảm nhanh hơn.

HDB: muốn phát hành 40 triệu cổ phiếu ESOP

HDBank (HoSE: HDB) trình cổ đông phương án tăng vốn điều lệ từ phát hành 40 triệu cổ phiếu giá 10.000 đồng/cổ phiếu cho cán bộ nhân viên ngân hàng (ESOP). Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2021 và 2022. Cổ phiếu ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định. Việc phát hành cổ phiếu ESOP nhằm ghi nhận sự đóng góp của cán bộ nhân viên trong thời gian qua, đồng thời khích lệ tinh thần làm việc và sự gắn bó lâu dài của người lao động. Kết phiên 31/8, giá cổ phiếu HDB đứng ở mức 25.950 đồng/cp, tăng 9% so với đầu năm. Vừa qua, HDBank đã chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu vào ngày 27/8 với tỷ lệ tỷ lệ 25%. Ngân hàng dự kiến sẽ tăng vốn điều lệ thêm hơn 3.984 tỷ đồng lên gần 20.073 tỷ đồng.

VHM: chốt quyền chia cổ tức tiền và cổ phiếu tổng tỷ lệ 45%

Vinhomes (HoSE: VHM) thông báo ngày 16/9 đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông chia trả cổ tức năm 2020 bằng tiền và cổ phiếu. Cụ thể, doanh nghiệp sẽ thanh toán cổ tức tiền mặt tỷ lệ 15% vào ngày 1/10, số tiền dự kiến chi là 5.024 tỷ đồng. Đồng thời, Vinhomes sẽ phát hành 1 tỷ cổ phiếu, tương đương tỷ lệ phân phối 30% để trả cổ tức. Nguồn thực hiện đến từ lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối tính đến 31/12/2020. Vốn điều lệ sau phát hành sẽ tăng từ 33.495 tỷ đồng lên 43.540 tỷ đồng. Nửa đầu năm, Vinhomes ghi nhận doanh thu 41.712 tỷ đồng, tăng 82% nhờ chuyển nhượng bất động sản; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 15.628 tỷ đồng, tăng 51% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối tính đến 30/6 là 66.996 tỷ đồng, gấp đôi vốn điều lệ. Cổ phiếu VHM hiện giao dịch vùng 107.000 đồng/cp, giảm 10% tính từ giữa tháng 8 và tăng 43% trong vòng 1 năm. Cổ phiếu VHM giảm trước việc các cổ đông lớn đăng ký bán hàng trăm triệu đơn vị. Cụ thể, Vingroup (HoSE: VIC) đăng ký bán gần 100,5 triệu cổ phiếu VHM, tương đương 3% vốn điều lệ trong thời gian từ 19/8 đến 17/9. Cùng thời gian, Viking Asia Holdings II Pte.

Ltd, quỹ thuộc Kohlberg Kravis Roberts (KKR) cũng đăng ký bán gần 32 triệu cổ phiếu VHM. Sau giao dịch tổ chức này không còn là cổ đông của Vinhomes.

MSN: Nhóm quỹ đầu tư GIC muốn bán 19,5 triệu cổ phiếu

Theo Bloomberg, Ardolis Investment Pte., thuộc quỹ đầu tư Chính phủ Singapore (GIC), muốn bán 19,5 triệu cổ phiếu Tập đoàn Masan (HoSE: MSN). Theo điều khoản thương vụ, mức giá thỏa thuận trong vùng giá 125.600 – 129.600 đồng/cp, thấp hơn 4-7% so với giá đóng cửa phiên 31/8 là 135.000 đồng/cp. UBS là đơn vị dựng số của giao dịch này. Cổ phiếu MSN đang giao dịch vùng giá 134.000-135.000 đồng/cp, tăng 145% trong vòng 1 năm qua. Phiên ngày 1/9, cổ phiếu MSN có giao dịch thỏa thuận hơn 19,6 triệu cổ phiếu, giá trị 2.515 tỷ đồng.

HAH: lên kế hoạch mua thêm 3 đến 4 tàu container giai đoạn 2021-2024

Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HoSE: HAH) công bố Nghị quyết HĐQT duyệt kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu giai đoạn 2021-2024. Cụ thể, doanh nghiệp có kế hoạch đặt đóng mới 1 đến 2 tàu container 1.800 teu loại “SDARI Bangkok Max IV”. Cùng với đó, doanh nghiệp tiếp tục tìm kiếm và đầu tư 2 tàu cũ loại 1.000 – 1.500 teu để sử dụng cho các tuyến ngắn Hải Phòng/ Hongkong – Nam Trung Quốc và miền Trung/Cái Mép – TP HCM. Giá trị đầu tư không được tiết lộ. Các năm trước, Hải An đầu tư bình quân mỗi năm 1 tàu mới. Tuy nhiên, kể từ tháng 7/2020 đến nay, doanh nghiệp đã mua thêm 3 tàu gồm HaiAn West (1.740 teu), Hải An East (1.702 teu) và HaiAn View (1.577 teu). Trong khi, đơn vị thực hiện bán tàu có tuổi đời cao là HaiAn Song trong quý I. Theo thống kê của Agriseco, Hải An hiện có 8 tàu với tổng sức chứa 11.000 teu.

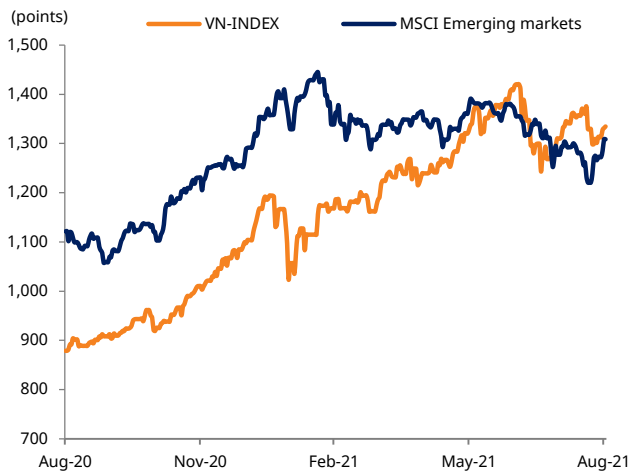
ACV: Lãi ròng giảm hơn 169 tỷ đồng sau soát xét

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (UPCoM: ACV) vừa công bố BCTC bán niên soát xét với gần 1.202 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ. Kết quả này giảm hơn 169 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ 12% so với báo cáo tự lập. Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu đến từ chi phí tài chính gấp 2,4 lần so tự lập, lên hơn 112 tỷ đồng do báo cáo soát xét ghi nhận thêm 65,6 tỷ đồng lỗ do pha loãng giá trị khoản đầu tư tài chính. Theo giải trình, giá trị khoản đầu tư vào CTCP Dịch vụ hàng hóa hàng không Việt Nam bị điều chỉnh vì đơn vị này phát hành cổ phiếu cho người lao động dẫn đến tỷ lệ sở hữu của ACV giảm, không đủ điều kiện hợp nhất theo quy định. Chi phí quản lý cũng tăng 12% so với báo cáo tự lập lên gần 612 tỷ đồng, chủ yếu do trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của Bộ Tài chính

PC1 tăng lãi ròng gần 200 tỷ đồng sau soát xét

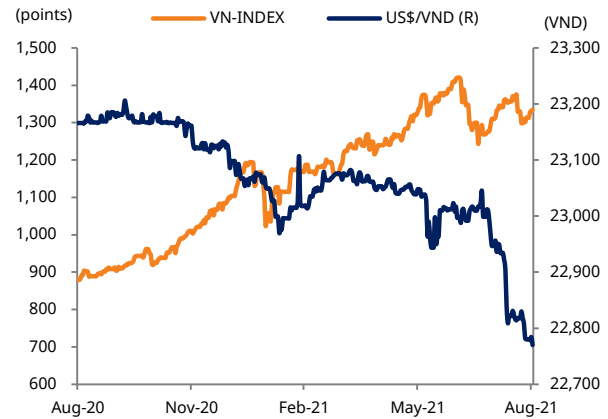
Theo BCTC soát xét bán niên, Xây lắp điện 1 (PCC1, HoSE: PC1) ghi nhận doanh thu thuần tăng 79% so với nửa đầu năm ngoái, đạt 4.536 tỷ đồng. Trong đó, hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện mang về 2.938 tỷ đồng, gấp gần 4 lần cùng kỳ. Ngoài ra, nguồn thu công ty đến từ một số hoạt động khác như bán hàng hóa (976 tỷ), bán điện (299 tỷ), sản xuất công nghiệp (624 tỷ)...Lợi nhuận sau thuế đạt 422 tỷ đồng, tăng 95% so với cùng kỳ và hoàn thành 80% chỉ tiêu năm. Kết quả đạt được nhờ doanh thu tài chính nửa đầu năm tăng gần 268 tỷ đồng do đánh giá lại khoản đầu tư vào Khoáng sản Tấn Phát. Ngoài ra, lãi từ công ty liên doanh liên kết Gang thép Cao Bằng cũng tăng 50,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



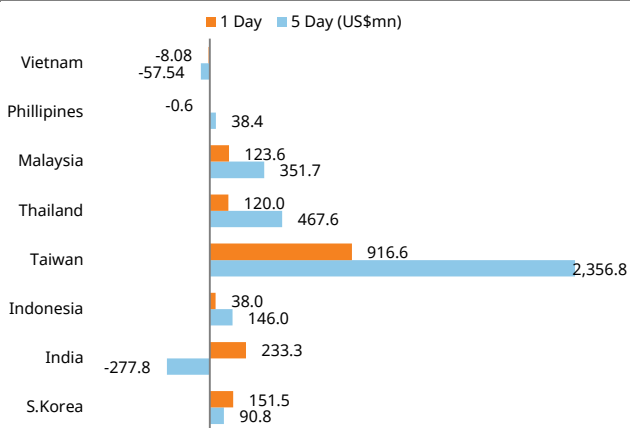
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



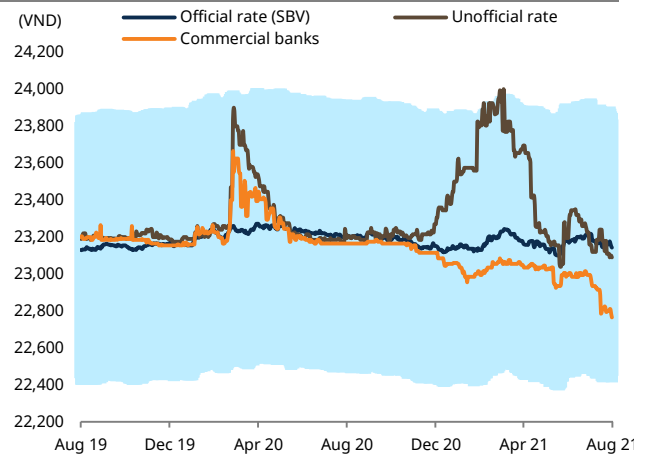
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



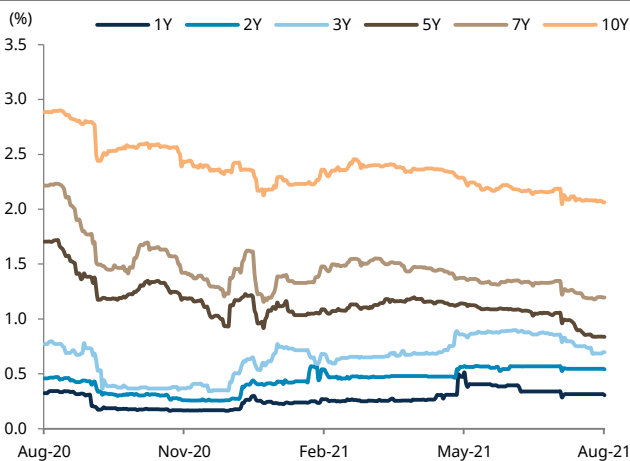
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



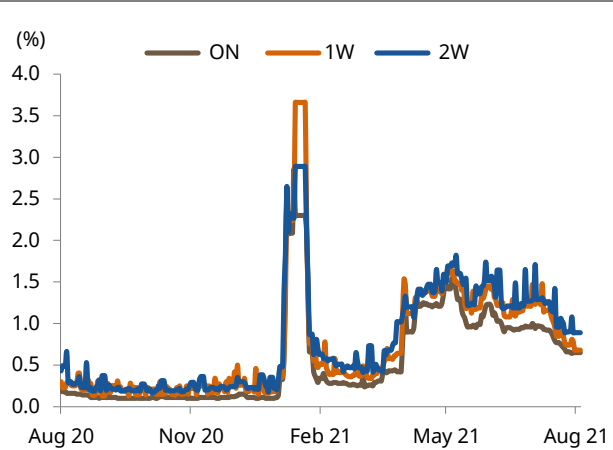
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,426.94	3,738,094		-0.1	-0.1	-1.4	71.5	13.4	11.5	2.6	2.1	38.0	16.4	22.5	20.6
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	32,000	86,462	30.0	0.0	-1.4	-11.5	89.6	8.7	7.1	1.9	1.5	31.5	22.3	25.3	24.3
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,000	156,859	16.7	0.1	-1.1	-5.1	-5.8	16.9	12.0	1.8	1.7	59.8	41.0	13.2	17.0
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	56,800	42,164	27.0	-0.4	7.8	11.2	10.3	24.6	21.8	2.0	1.9	10.1	12.8	8.4	9.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	32,050	154,024	24.4	0.8	-0.3	-6.8	58.2	9.2	7.4	1.7	1.4	22.2	25.2	18.6	20.0
CTCP FPT	FPT VN	92,400	83,850	49.0	0.0	0.5	-1.7	112.9	20.8	17.7	4.4	4.0	23.9	17.7	23.9	25.2
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	88,600	169,576	2.5	-0.9	1.5	-1.1	17.5	19.4	15.6	3.4	3.1	13.4	24.3	18.1	20.5
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	40,100	160,400	0.6	3.5	13.9	19.0	230.0	34.5	31.5	NA	NA	23.3	9.5	9.6	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	25,650	51,100	18.4	-1.2	-5.1	-4.9	85.6	9.3	7.8	1.7	1.4	28.7	19.4	21.4	20.8
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	49,200	220,068	26.3	-0.2	1.7	4.0	167.8	7.5	7.5	2.4	1.8	130.4	0.5	39.2	28.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	39,300	24,487	30.4	-1.1	2.3	-3.4	76.8	22.4	16.1	2.6	2.2	-6.5	39.8	12.9	15.8
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	27,900	105,415	22.5	0.0	-2.4	-3.5	141.5	8.9	7.4	1.6	1.3	42.6	20.6	22.1	21.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	133,300	157,365	33.2	-1.3	-1.3	-0.5	144.1	49.0	28.0	8.0	6.3	158.1	75.2	14.3	22.2
CTCP Thế giới di động	MWG VN	110,200	78,562	49.0	-0.7	2.4	0.7	76.2	16.1	12.6	3.7	3.1	18.8	27.9	25.1	26.7
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,700	154,287	9.3	0.3	-0.8	0.7	128.1	35.9	25.9	4.4	4.1	-0.3	38.6	16.0	14.5
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	85,700	41,716	3.6	-2.5	-1.3	-7.4	286.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,800	63,186	17.7	2.2	2.5	-1.0	-4.0	18.4	15.5	2.6	2.5	303.1	18.4	16.2	16.6
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	85,300	19,394	49.0	-0.8	-4.2	-11.0	39.8	18.1	14.4	3.3	2.8	9.5	25.9	20.2	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,450	29,156	3.0	5.1	10.7	16.4	23.9	13.9	11.0	0.9	0.9	-10.1	25.8	7.1	8.5
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	148,700	95,359	62.5	-0.9	1.0	-6.5	-21.7	22.1	18.6	4.0	3.4	-5.7	19.0	21.2	21.8
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	61,200	40,081	47.0	-1.0	-1.3	12.1	305.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	27,200	51,278	16.0	-0.5	-0.5	-9.0	140.7	18.7	13.7	NA	NA	16.7	36.1	10.3	12.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	48,300	169,287	22.5	-0.4	-1.7	-5.5	122.6	10.1	8.4	1.9	1.5	36.3	20.4	20.5	20.3
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	34,200	36,651	30.0	0.3	-2.0	-2.3	78.6	7.7	6.5	1.6	1.3	30.4	19.1	23.2	21.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,400	368,662	23.5	0.0	1.9	1.4	19.8	16.7	14.0	3.2	2.6	33.3	19.3	21.1	20.9
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	107,000	358,398	23.5	0.6	0.0	-1.2	36.0	11.4	10.1	3.1	2.4	13.0	12.9	28.3	27.0
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	94,100	358,071	14.8	0.0	-0.5	-1.2	14.2	59.9	58.6	4.0	3.7	4.5	2.3	7.0	8.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	125,500	67,972	18.0	-0.8	-1.2	11.1	19.0	262.6	26.0	3.7	3.0	264.9	911.3	3.7	17.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	88,100	184,125	54.9	0.8	1.4	2.3	-14.2	18.4	17.1	5.7	5.5	0.2	8.1	32.7	33.9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	61,500	151,890	15.4	-0.2	0.2	0.8	162.8	9.7	10.0	1.9	1.5	48.2	-3.1	23.6	16.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,900	63,398	29.7	2.2	6.1	0.9	2.4	26.3	19.4	2.1	1.8	1.1	35.6	7.5	10.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	3.18	5,020,842	0.2	1.9	1.9	49.7	15.1	12.4	2.6	2.2	39.5	21.3	20.2	19.5
Ô tô và phụ tùng	0.07	9,494	3.0	7.7	13.2	73.9	8.1	7.1	1.5	1.4	25.9	14.0	12.6	12.7
Ngân hàng	-0.33	1,558,558	-0.1	1.0	-3.7	59.1	12.4	10.0	2.0	1.7	37.6	22.8	19.5	19.3
Xây dựng cơ bản	0.63	198,104	1.2	4.6	16.5	97.3	8.3	7.0	1.7	0.5	18.5	24.1	8.5	8.8
Dịch vụ thương mại	0.02	5,266	1.2	1.5	13.0	36.8	7.9	6.2	NA	NA	10.8	39.0	9.6	12.6
May mặc và trang sức	-0.02	43,093	-0.2	0.6	-0.1	113.8	12.9	10.5	2.4	2.0	22.2	24.6	15.6	17.5
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	8,413	-0.7	0.6	5.5	32.1	NA	12.7	NA	NA	NA	NA	-9.1	3.6
Dịch vụ tài chính	0.07	110,278	0.2	1.9	22.5	278.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Năng lượng	0.42	82,465	1.9	3.3	2.7	15.6	23.2	15.1	2.2	2.2	NA	43.1	13.9	14.4
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.27	536,829	-0.2	0.4	1.2	39.6	25.9	17.6	5.1	4.3	56.0	33.1	20.0	22.4
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.02	1,863	3.5	15.8	165.7	201.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,837	0.0	1.1	-3.4	1.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.08	51,529	-0.6	5.7	10.9	17.3	21.1	18.1	1.8	1.6	15.5	12.8	7.8	7.5
Nguyên vật liệu	1.80	545,537	1.3	4.9	13.6	183.3	70.5	14.8	1.3	1.0	98.2	0.6	24.2	18.8
Giải trí và truyền thông	0.02	1,373	4.2	6.1	2.1	-26.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.25	39,626	0.7	2.4	16.8	29.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	1.05	1,188,779	-2.2	4.0	13.5	29.4	10.1	8.9	1.7	1.5	3.9	14.4	8.9	9.3
Bán lẻ	-0.13	88,077	0.4	1.1	1.2	61.1	46.5	24.7	2.9	6.5	13.7	NA	14.3	14.3
Phần mềm và dịch vụ	0.00	90,127	-0.5	0.8	1.6	71.5	15.7	11.9	3.3	2.8	37.1	29.8	22.0	23.6
Thiết bị và phần cứng	-0.03	7,541	0.0	0.7	0.1	110.0	19.4	16.5	4.1	3.7	27.4	17.6	22.3	23.4
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,554	-1.6	0.0	14.7	248.2	17.2	13.9	4.9	3.8	59.5	24.0	31.5	25.8
Vận tải	0.13	185,044	-0.9	9.9	16.0	262.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.19	261,656	0.4	0.4	10.2	52.8	109.9	13.6	20.0	1.7	NA	NA	-51.4	19.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	40,100	3.5	8,428,800	1.5
VHM VN	107,000	0.6	21,977,200	0.5
VNM VN	88,100	0.8	3,430,100	0.4
POW VN	12,450	5.1	29,625,300	0.4
PLX VN	50,800	2.2	1,320,900	0.4
VRE VN	27,900	2.2	3,582,100	0.4
CTG VN	32,050	0.8	15,294,300	0.3
BCM VN	48,000	2.3	299,200	0.3
DCM VN	26,000	4.0	8,207,000	0.1
VGC VN	36,900	3.1	2,171,200	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	133,300	-1.3	1,024,900	-0.5
GAS VN	88,600	-0.9	536,100	-0.4
PDR VN	85,700	-2.5	2,671,900	-0.3
SAB VN	148,700	-0.9	68,500	-0.2
TCB VN	48,300	-0.4	8,530,000	-0.2
HDB VN	25,650	-1.2	3,120,000	-0.2
MWG VN	110,200	-0.7	670,400	-0.2
VJC VN	125,500	-0.8	864,900	-0.1
HPG VN	49,200	-0.2	15,066,500	-0.1
SSI VN	61,200	-1.0	9,400,800	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.